

NGHỊ QUYẾT
Quy định nội dung, mức chi hoạt động thi kỹ năng nghề
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;
Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 63/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy
định nội dung và mức chi hoạt động thi kỹ năng nghề;
Xét Tờ trình số 1412/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hoạt động thi
kỹ năng nghề trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 83/BC-VHXXH ngày
25 tháng 9 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;
Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hoạt
động thi kỹ năng nghề trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi để tổ chức thi kỹ năng nghề trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí và thực hiện các nội dung quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nội dung và mức chi chung

1. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị, họp báo; chi đi công tác để triển khai các hoạt động phục vụ thi kỹ năng nghề: mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Chi mua nguyên, nhiên, vật liệu, hàng hoá, dịch vụ liên quan phục vụ thi và huấn luyện đội tuyển của tỉnh nếu tham dự thi kỹ năng nghề cấp quốc gia; chi mua trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong trường hợp cần thiết; thuê địa điểm, mặt bằng tổ chức các hoạt động của kỳ thi kỹ năng nghề của tỉnh; thuê máy móc, trang thiết bị, dụng cụ và dịch vụ liên quan khác như vận chuyển, tháo dỡ, bốc dỡ, lắp đặt, khắc phục sự cố, đóng gói, địa điểm tập kết hàng hóa, kiểm định an toàn phục vụ thi kỹ năng nghề (nếu có): thực hiện theo quy định của

pháp luật về mua sắm, đấu thầu, giao nhiệm vụ, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định có liên quan.

3. Chi hoạt động thông tin, tuyên truyền; in ấn, nhân bản tài liệu, biểu mẫu; mua sắm văn phòng phẩm, phù hiệu, biển hiệu, hoa cài, bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận, khung kính, cờ lưu niệm, in giấy mời, chuyển phát nhanh và các nội dung liên quan khác (nếu có): thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ.

4. Các nội dung phát sinh theo yêu cầu thực tế khác phục vụ thi kỹ năng nghề (nếu có): thực hiện theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách.

Điều 4. Nội dung và mức chi thi kỹ năng nghề

1. Chi xây dựng kế hoạch, quy chế thi kỹ năng nghề

a) Chi xây dựng kế hoạch tổ chức, giám sát, quy chế thi, lập đề cương, chương trình: 900.000 đồng/kế hoạch, quy chế được phê duyệt;

b) Chi lấy ý kiến góp ý (không quá 03 ý kiến/kế hoạch, quy chế): tối đa 450.000 đồng/ý kiến bằng văn bản.

2. Chi ra đề thi

a) Chi xây dựng, biên soạn đề thi được tính theo mô đun, bao gồm cả hướng dẫn đánh giá, chấm điểm và biểu điểm (không quá 05 mô đun/đề thi/ngành): 900.000 đồng/mô đun/đề thi/ngành;

b) Chi lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia độc lập bằng văn bản cho một đề thi (không quá 03 lần tham gia ý kiến cho mỗi đề thi): 450.000 đồng/một văn bản góp ý kiến/đề thi;

c) Chi cho thành viên Hội đồng duyệt đề thi (không quá 03 lần/đợt thi): tối đa 135.000 đồng/người/buổi.

3. Chi thuê vẽ bản vẽ minh họa cho các đề thi: tối đa 900.000 đồng/đề thi.

4. Chi sao in, đóng gói, niêm phong đề thi theo số lượng đề sử dụng: tối đa 27.000 đồng/đề thi.

5. Chi tiền công chấm thi, xét kết quả thi và tổng hợp báo cáo

a) Chi chấm thi đối với từng nghề (không quá 07 người/Ban giám khảo): tối đa 32.000 đồng/mô đun/thí sinh/người chấm thi;

b) Chi cho thành viên tham gia xét kết quả thi và xét khen thưởng: 90.000 đồng/người/buổi;

c) Chi công tác tổng hợp, báo cáo kết quả kỳ thi: 360.000 đồng/ngành.

6. Chi tiền công cho Ban Tổ chức; công an, bảo vệ, phục vụ

a) Ban Tổ chức:

- Trưởng Ban Tổ chức: 400.000 đồng/người/ngày;

- Phó Trưởng Ban Tổ chức: 320.000 đồng/người/ngày;

- Ủy viên, thành viên, thư ký Ban Tổ chức: 260.000 đồng/người/ngày.

b) Công an, bảo vệ, phục vụ: 160.000 đồng/người/ngày.

7. Chi phục vụ việc huấn luyện, chuẩn bị và tham dự thi kỹ năng nghề cấp quốc gia của đội tuyển tỉnh:

a) Hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê chỗ nghỉ và chi phí đi lại cho thí sinh, chuyên gia huấn luyện: mức hỗ trợ áp dụng theo mức chi tương ứng tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND.

b) Chi tiền công chuyên gia huấn luyện: mức chi 60.000 đồng/người/giờ, thời gian huấn luyện không quá 08 giờ/ngày và không quá 10 ngày/kỳ thi.

c) Hỗ trợ đồng phục cho thành viên đoàn của tỉnh: mức chi tối đa 500.000 đồng/bộ/người.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2026.

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Thông tư số 63/2026/TT-BTC và các quy định hiện hành có liên quan.

3. Trường hợp văn bản về chế độ, định mức chi được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 6 (chuyên đề) thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Rah Lan Chung